

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH SƠN LA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 12/2020/DS-PT
Ngày 12 - 6 - 2020
V/v: *Tranh chấp quyền sử dụng
đất*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH SƠN LA**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Tòng Thị Hiền

Các Thẩm phán: Ông Lò Văn Diệt, ông Đỗ Tuấn Long

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thu Trang –Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Sơn La.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Sơn La tham gia phiên tòa: Ông Hà Văn Quang - Kiểm sát viên.

Ngày 12/6/2020 tại Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Sơn La, xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 27/2020/TLDS-PT ngày 5 tháng 2 năm 2020 về Tranh chấp quyền sử dụng đất. Do bản án dân sự sơ thẩm số: 08/2019/DS-ST ngày 21 tháng 11 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện SM bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 37/2020/QĐ-PT ngày 26 tháng 5 năm 2020 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Vũ Chứ H. Địa chỉ: Bản MM, xã PB, huyện SM, tỉnh Sơn La. Có mặt.

- Bị đơn: Ông Vũ Sái P. Địa chỉ: Bản HX, xã PB, huyện SM, tỉnh Sơn La. Có mặt.

Người kháng cáo: Bị đơn ông Vũ Sái P.

NỘI DUNG VỤ ÁN

** Theo nội dung đơn khởi kiện, bản tự khai, các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, nguyên đơn ông Vũ Chứ H trình bày:*

Gia đình ông canh tác, sử dụng mảnh nương đang tranh chấp từ năm 1993. Đến năm 1999 gia đình ông được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng

đất, diện tích 5000m², tờ số 28/SĐ, số thửa 4, do ông đứng tên. Có các tứ cận như sau: Phía đông giáp đất nương ông Giàng Nénh Hợ 50m; phía tây khe suối và nương ông Vừ Nỏ Sộng 50m; phía nam giáp đất nương ông Vừ Nhịạ Lệnh 100m; phía bắc giáp đất nương ông Vừ Sái Chu 100m.

Năm 1995 Nhà nước có hỗ trợ giống cây nhãn để trồng thay thế các loại cây khác, ông đã trồng nhãn trên diện tích khoảng 2000m², còn lại 3000m² ông trồng lúa và ngô. Đến năm 2002, do nhãn không có giá nên ông đã bỏ hoang toàn bộ mảnh nương này. Đến năm 2006 có ông Vừ Sái P, ở bản HX đến lấn chiếm, canh tác phần ông trồng lúa và ngô; ông có đến gặp ông P nhắc nhở nhưng ông P không nghe. Vì cả nể là anh em họ hàng nên ông cũng tạo điều kiện cho ông P sử dụng. Ông P canh tác sử dụng đến năm 2015 mới thôi và bỏ hoang.

Đến năm 2018, ông đến canh tác lại thì ông Vừ Sái P tiếp tục đến tranh chấp và lấn chiếm khoảng 3000m² cho đến nay. Nay ông yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Vừ Sái P trả lại 3000m² đất tranh chấp cho gia đình ông.

Bị đơn ông Vừ Sái P trình bày:

Ông đang canh tác, sử dụng mảnh nương do cha mẹ ông thời còn sống để lại 30 năm nay nhưng chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Mảnh nương của ông tiếp giáp phía trên bên trái với mảnh nương của ông Vừ Chứ H. Hai bên không có tranh chấp hoặc lấn chiếm gì. Năm 2018, ông H bán mảnh nương của ông H cho người khác, nhưng với tổng diện tích là 10.000m², trong khi đó nương của ông H chỉ có 5000m², ông P cho rằng ông H đã lợi dụng bán cả đất nương của ông với diện tích 5000m² cho người khác. Thực tế ông không hề lấn chiếm đất của ông H, ngoài ra ông cũng không nhất trí với cách đo đạc và giải quyết của UBND xã PB, vì toàn đo đất nương của ông cho ông Vừ Chứ H. Do vậy ông không chịu trả đất nương cho ông H. Ông đề nghị đến thực địa đo đạc lại diện tích đất trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông Vừ Chứ H, nếu thiếu 5000m² ông sẽ bù vào cho ông H đủ, còn ngược lại thừa 5000m² thì ông H phải trả lại đất thừa cho ông.

Tại Bản án dân sơ thẩm số: 08/2019/TCDS-ST ngày 21/11/2019 của Tòa án nhân dân huyện SM đã xét xử và quyết định áp dụng khoản 9 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm c khoản 1 Điều 39; khoản 1 Điều 143; khoản 1 Điều

147; Điều 186; Điều 235 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 166 Bộ luật Dân sự; điểm c khoản 1 Điều 100; Điều 203 Luật Đất đai sửa đổi năm 2013; tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Vũ Chứ H.
2. Buộc ông Vũ Sái P trả lại mảnh nương đang tranh chấp (tại bản Mạ Mẩu, xã PB, huyện SM) cho ông Vũ Chứ H. Tổng diện tích 3000m². Có các tự cận tiếp giáp:

Phía Đông giáp đất nương ông Vũ Chứ H 50m;

Phía Tây giáp khe suối và nương ông Vũ Nở Sộng 50m;

Phía Nam giáp đất nương ông Vũ Nhị Lệnh 60m;

Phía Bắc giáp đất nương ông Vũ Sái Chu 60m.

Tại tờ bản đồ số 28/SĐ, số thửa 4, diện tích 5000m² mang tên ông Vũ Chứ H.

Ngoài ra Bản án sơ thẩm còn tuyên quyết định án phí, quyền kháng cáo và tuyên trách nhiệm thi hành án cho các đương sự theo quy định của pháp luật.

Ngày 9/6/2020, Tòa án nhân dân huyện SM đã Quyết định sửa chữa, bổ sung bản án như sau;

Trong bản án và quyết định đã ghi: “Tờ sơ đồ số 28/SĐ, số thửa 4” nay sửa chữa, bổ sung như sau: “Tờ sơ đồ số 59/SĐ, thửa số 20”.

Tại nội dung mục 3. Về án phí phần Quyết định, trang 4 đã ghi: “Ông Vũ Sái P phải chịu án phí dân sự sơ thẩm 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng)” nay sửa chữa, bổ sung như sau: “Ông Vũ Sái P được miễn án phí dân sự sơ thẩm 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng)”.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 28/11/2019 bị đơn ông Vũ Sái P có đơn kháng cáo không nhất trí trả lại đất cho ông H và không nhất trí chịu án phí sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Ý kiến tranh luận của của bị đơn, giữ nguyên nội dung kháng cáo, cho rằng ông H đã bán mảnh nương cho người khác với diện tích 10.000m² nên việc Tòa án cấp sơ thẩm buộc ông trả lại diện tích 3000m² và buộc ông phải chịu án phí là không đúng.

Ý kiến tranh luận của nguyên đơn, không chấp nhận kháng cáo của bị đơn, đề nghị giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Quan điểm giải quyết của Kiểm sát viên về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã thực hiện và chấp hành đầy đủ các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Hướng giải quyết vụ án, Kiểm sát viên đề nghị: Căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án; ý kiến trình bày của các đương sự; căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa; quan điểm giải quyết vụ án của Kiểm sát viên. Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận định.

[1] Về nguồn gốc đất đang tranh chấp ông Vũ Chứ H khai đã sử dụng từ năm 1993. Đến năm 1999, ông được cấp GCNQSDĐ với tổng diện tích 50.825m² bao gồm đất thổ cư, đất vườn và đất nương rẫy mang tên Vũ Chứ H địa chỉ tại bản Ma Mẩu, xã PB, huyện SM, tỉnh Sơn La. Theo đơn khởi kiện đề ngày 25/9/2018 của ông H, xác định diện tích đất tranh chấp với ông P là 3.000m² đất nương rẫy thuộc thửa số 4, tờ bản đồ 28/SĐ nằm trong GCNQSDĐ được cấp năm 1999, thời hạn sử dụng là đến tháng 2 năm 2019. Quá trình giải quyết tại cấp sơ thẩm, xác định diện tích tranh chấp là 3.000m² nằm trong diện tích 5.000m² thuộc thửa số 4, tờ bản đồ số 28/SĐ trong GCNQSDĐ được cấp mang tên ông Vũ Chứ H có tứ cận tiếp giáp như sau: Phía Đông giáp đất nương ông Vũ Chứ H 50m; phía Tây giáp khe suối và nương ông Vũ Nở Sộng 50m; phía Nam giáp đất nương ông Vũ Nhị Lệnh 60m; phía Bắc giáp đất nương ông Vũ Sái Chu 60m và theo biên bản xem xét thẩm định tại chỗ ngày 25/10/2019 và bản án của Tòa án cấp sơ thẩm thì diện tích đang tranh chấp trên thuộc thửa số 4 tờ bản đồ số 28, có diện tích 5000m² nằm trong GCNQSDĐ mang tên Vũ Chứ H. Tại biên bản xác minh ngày 28/4/2020 của Tòa án nhân dân tỉnh Sơn La đối với ông Vũ Chứ H, ông H xác định thực tế trong giấy chứng nhận quyền sử dụng của anh có 02 thửa đất đều có diện tích là 5000m² bao gồm thửa số 4 tờ bản đồ số 28 và thửa số 20 tờ bản đồ số 59. Do ông xác định sai vị trí thửa đất nên đã khởi kiện và đề nghị Tòa án

giải quyết thửa đất số 4 tờ bản đồ số 28, ông khẳng định hai bên chỉ tranh chấp 01 thửa đất là số 20 tờ bản đồ số 59. Đối với nội dung này, Tòa án nhân dân tỉnh Sơn La đã có quyết định ủy thác cho Tòa án nhân dân huyện SM tiến hành thu thập chứng cứ. Tại biên bản xem xét thẩm định tại chỗ ngày 29/5/2020 của Tòa án nhân dân huyện SM xác định thửa đất đang tranh chấp giữa ông H và ông P là thửa đất số 20, tờ bản đồ số 59 nằm trong GCNQSD mang tên Vũ Chử H có tổng diện tích là 5000m² với tứ cận như sau: Phía Đông giáp khe suối, phía Tây giáp đất ông Giàng Nén Hợ, phía Nam giáp đất ông Vũ Nhị Lệnh, phía Bắc giáp đất ông Vũ Sái Chu. Như vậy, xác định diện tích đang tranh chấp giữa ông H và ông P có vị trí đất, diện tích, tứ cận là đúng nhưng sai số thửa và tờ bản đồ. Tòa án nhân dân huyện SM đã ra quyết định đính chính số 108/QĐ – SCBSBA ngày 9/6/2020 đối với nội dung này nên cần giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Thửa số 4 tờ bản đồ số 28 và thửa số 20 tờ bản đồ 59 trong GCNQSDĐ của ông H đều có thời hạn sử dụng đến tháng 2/2019. Tại biên bản xác minh ngày 26/5/2020 tại Phòng tài nguyên và môi trường huyện SM xác định hai thửa số 4 và 20 trong GCNQSDĐ của ông H đã hết hạn sử dụng nhưng vẫn được tiếp tục sử dụng đất theo quy định tại khoản 2 Điều 74 Nghị định 43/2014/NĐ – CP ngày 15/5/2014 Quy định chi tiết thi hành một số điều Luật đất đai năm 2013.

[2] Xét lời khai của bị đơn ông Vũ Sái P khai diện tích đất tranh chấp là do cha mẹ để lại trước đây. Ông quản lý và sử dụng từ năm 1993 không xảy ra tranh chấp với ai, trong thời gian cấp GCNQSDĐ do gia đình đang bỏ hoang chưa canh tác nên mới cấp GCNQSDĐ cho ông H. Ông H khai ông P quản lý và sử dụng diện tích đang tranh chấp từ năm 2006 đến năm 2015 rồi bỏ hoang, đến năm 2018 thì tiếp tục sử dụng và xảy ra tranh chấp.

Tại cấp sơ thẩm, phúc thẩm ông P đều không đưa ra được tài liệu, chứng cứ về quyền sở hữu đối với diện tích tranh chấp nên không có căn cứ để chấp nhận.

Xét đơn kháng cáo của ông Vũ Sái P đối với việc ông H đã bán 10.000m² cho ông Vũ Trạ Bua trú tại bản HX, xã PB, huyện SM lớn hơn diện tích thực tế. Tại biên bản xác minh ngày 25/10/2019 đối với cán bộ địa chính xã PB xác định diện tích đang tranh chấp chưa được chuyển nhượng quyền sử dụng cho người khác.

[3] Tại biên bản hòa giải ngày 9/8/2018, biên bản giải quyết đơn đề nghị ngày 20/8/2018 của ông Vừ Sái P, biên bản hòa giải ngày 7/9/2018 của UBND xã PB, ông P đều có ý kiến đo đạc phần diện tích đất tranh chấp theo GCNQSDĐ của ông H, nếu lớn hơn diện tích 5000m² thì phần dư còn lại thuộc quyền sở hữu của ông P nhưng không đồng ý với cách đo của địa chính xã. Tuy nhiên, tại biên bản xác minh ngày 30/7/2018 của UBND xã PB, sau khi tiến hành đo đạc thực tế theo GCNQSDĐ và đối chiếu với sơ đồ giao đất đã kết luận diện tích đất tranh chấp giữa ông P và ông H nằm trong GCNQSDĐ mang tên ông H tổng diện tích là 5000m² với chiều dài 50m, chiều rộng 100m. Nguyên nhân dẫn đến tranh chấp là do ông H bỏ hoang chưa canh tác một thời gian.

Xét thấy tại biên bản xem xét thẩm định tại chỗ, sơ đồ tổng thể giao đất đều thể hiện ông P không có diện tích đất giáp ranh với diện tích đất đang tranh chấp. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông H, buộc ông P trả lại 3000m² đất nương là hoàn toàn có căn cứ, đúng pháp luật.

[4] Xét kháng cáo về án phí sơ thẩm: Ông P thuộc đồng bào dân tộc thiểu số ở xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn nên được miễn án phí dân sự sơ thẩm (và nội dung này đã được cấp sơ thẩm đính chính).

Từ những nhận định phân tích nêu trên không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của ông Vừ Sái P, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[5] Về án phí phúc thẩm: Miễn án phí dân sự phúc thẩm cho ông Vừ Sái P.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội:

1. Không chấp nhận kháng cáo của ông Vừ Sái P, giữ nguyên bản án sơ thẩm số: 08/2019/DS-ST ngày 21/11/2019 của Tòa án nhân dân huyện SM, tỉnh Sơn La như sau:

- Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Vừ Chử H.

- Buộc ông Vũ Sái P trả lại mảnh nương đang tranh chấp (tại bản Mạ Mầu, xã PB, huyện SM) cho ông Vũ Chứ H. Tổng diện tích 3000m². Có các tự cận tiếp giáp:

Phía Đông giáp đất nương ông Vũ Chứ H 50m;

Phía Tây giáp khe suối và nương ông Vũ Nở Sộng 50m;

Phía Nam giáp đất nương ông Vũ Nhị Lệnh 60m;

Phía Bắc giáp đất nương ông Vũ Sái Chu 60m.

Tại tờ bản đồ số 59/SĐ, số thửa 20, diện tích 5000m² mang tên ông Vũ Chứ H. (có sơ đồ kèm theo)

2. Về án phí: Ông Vũ Sái P không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm và án phí dân sự phúc thẩm. Hoàn trả cho ông Vũ Sái P số tiền 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp theo biên lai thu số: AA/2016/0004536 ngày 27 tháng 12 năm 2019 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện SM.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực thi hành kể từ ngày tuyên án (ngày 12/6/2020).

“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự”./.

Nơi nhận:

- VKS nhân dân tỉnh Sơn La;
- Tòa án nhân dân huyện SM;
- Chi cục thi hành án dân sự huyện SM;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Tòng Thị Hiền